

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 9 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa và bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Á, sinh năm 1996; địa chỉ: Đ, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Á trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu N tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 5 năm 2014. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh N thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ, đánh đập, nhục mạ chị; vợ chồng không sống chung từ

năm 2018 đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Duy A, sinh ngày 15/10/2014 và Nguyễn Trâm A1, sinh ngày 12/7/2017, hiện nay hai con ở với cha. Khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu N nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi Tòa án, đồng thời anh N cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo luật định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ánh . Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Hữu N; về con chung: Giao 02 người con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung: Chị Á khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: chị Á khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị Á có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hữu N có nơi cư trú tại xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hữu N đã được triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Hữu N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi; vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh N là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã; vợ chồng không sống chung từ năm 2018 đến nay. Chị Á xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm gì với nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh N không tham gia. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Á và anh N đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Hữu N có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Duy A, sinh ngày 15/10/2014 và Nguyễn Trâm A1, sinh ngày 12/7/2017, hiện nay các con ở với cha. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị Á đồng ý giao hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét ý kiến của chị Á về nuôi con chung khi ly hôn, thấy rằng: Cháu A và cháu A1 đều có nguyện vọng ở với cha; từ năm 2018 chị Á và anh N không sống chung đến nay các con ở với cha. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu A và cháu A1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị Á khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung: Chị Á khai không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.
2. Về con chung: Giao các con Nguyễn Hữu Duy A, sinh ngày 15/10/2014 và Nguyễn Trâm A1, sinh ngày 12/7/2017 cho anh Nguyễn Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đối với con chung mà không ai được cản trở. Sau khi ly hôn đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Chị Á khai không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001839 ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện KSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Trung

